

MỘT SỐ VƯỚNG MẮC TỪ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ KHUYẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

LÊ THỊ HẢI YẾN*

Phạt vi phạm hợp đồng là một chế tài quan trọng trong pháp luật hợp đồng, có ý nghĩa bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và phân bổ rủi ro giữa các bên. Trên cơ sở phân tích các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005, kết hợp với nghiên cứu một số quan điểm học thuật và thực tiễn xét xử được công bố, bài viết chỉ ra những khoảng trống, bất cập ảnh hưởng đến tính thống nhất, minh bạch và khả năng dự đoán của pháp luật hợp đồng; đồng thời, đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật và tăng cường hướng dẫn áp dụng thống nhất, góp phần nâng cao tính minh bạch, thống nhất và khả năng dự đoán trong giải quyết tranh chấp về phạt vi phạm hợp đồng.

Từ khóa: Phạt vi phạm hợp đồng; mức phạt; phần nghĩa vụ bị vi phạm; chế tài hợp đồng; thực tiễn xét xử.

Contractual penalties are an important remedy under contract law, helping ensure performance of obligations and allocate risks between the parties. Based on an analysis of the provisions of the 2015 Civil Code and the 2005 Commercial Law, together with a review of selected academic perspectives and published judicial practice, this article identifies gaps and shortcomings that affect the consistency, transparency, and predictability of contract law. It also proposes improvements to legal provisions and enhanced guidance for their consistent application, thereby contributing to greater transparency, consistency, and predictability in resolving disputes over contractual penalties.

Keywords: Contractual penalties; penalty level; breached portion of obligations; contractual remedies; judicial practice.

NGÀY NHẬN: 10/7/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 12/8/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 17/8/2026

Email: lehaiyen.hlu@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.368.2026.1608>

1. Đặt vấn đề

Phạt vi phạm hợp đồng là chế tài quan trọng nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, tăng cường tính ràng buộc của hợp đồng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên bị vi

phạm. Bộ luật Dân sự năm 2015 (viết tắt là *Bộ luật năm 2015*) và Luật Thương mại năm 2005 (viết tắt là *Luật năm 2005*) đã có quy

* ThS, NCS Trường Đại học Luật Hà Nội

định về chế tài này nhưng thực tiễn xét xử vẫn tồn tại nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau, điển hình là về mức phạt, căn cứ tính giá trị phạt, điều kiện phát sinh trách nhiệm và phạm vi can thiệp của Tòa án.

Những vướng mắc đã làm giảm tính dự đoán và an toàn pháp lý trong giao kết, thực hiện hợp đồng. Vì vậy, bài viết phân tích, đối chiếu các bản án, quyết định của Tòa án nhằm nhận diện các bất cập điển hình, làm rõ nguyên nhân và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng.

2. Một số vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật về phạt vi phạm hợp đồng

Pháp luật Việt Nam hiện nay đã quy định về phạt vi phạm hợp đồng trong *Bộ luật* năm 2015 và *Lược* năm 2005, tuy nhiên, thực tiễn giải quyết tranh chấp còn nhiều vướng mắc về nhận thức và kỹ thuật áp dụng.

Thứ nhất, chưa lý giải thống nhất hậu quả pháp lý của phần thỏa thuận vượt trần trong các hợp đồng thỏa thuận mức phạt vượt quá giới hạn 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm theo Điều 301 *Lược* năm 2005 nhưng các bản án được khảo sát thường chỉ chấp nhận khoản phạt trong giới hạn luật định và bác phần vượt quá. Chẳng hạn trong Bản án số 14/2023/KDTM-PT ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau cũng áp dụng giới hạn 8% trên giá trị phần hàng hóa chưa được giao, thay vì công nhận toàn bộ khoản phạt được tính lũy tiến theo thời gian (Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, 2023).

Cách xử lý này bảo đảm khoản phạt thực tế không vượt quá giới hạn bắt buộc của *Lược* năm 2005; đồng thời, không phủ nhận hoàn toàn thỏa thuận áp dụng chế tài phạt của các bên. Tuy nhiên, các bản án mới chủ yếu điều chỉnh số tiền phạt về mức luật định mà chưa lý giải thống nhất bản chất pháp lý của việc xử lý phần vượt quá: đó là trường hợp điều khoản phạt vô hiệu từng phần theo Điều 130 *Bộ luật* năm 2015 (Đỗ Văn Đại & Lê Thị Diễm Phương, 2012) hay chỉ là việc không chấp

nhận phần yêu cầu vượt giới hạn theo Điều 301 *Lược* năm 2005. Khoảng trống này làm giảm tính dự đoán của pháp luật; đồng thời, cho thấy, sự cần thiết phải có quy định hoặc hướng dẫn cụ thể về hậu quả pháp lý của thỏa thuận phạt vượt mức trần (Lê Thị Tuyết Hà, 2026).

Thứ hai, thiếu thống nhất trong xác định “giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm” làm căn cứ tính giá trị phạt. Điều 301 *Lược* năm 2005 quy định mức phạt dựa trên giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm, không phải mặc nhiên trên toàn bộ giá trị hợp đồng. Tuy nhiên, pháp luật chưa đưa ra tiêu chí cụ thể, nhất là đối với hợp đồng có nhiều giai đoạn thực hiện hay nhiều nghĩa vụ phức tạp. Do thiếu tiêu chí pháp lý rõ ràng, các tòa án áp dụng khác nhau, như: có trường hợp lấy toàn bộ giá trị hợp đồng; có trường hợp chỉ tính giá trị nghĩa vụ chưa thực hiện; trường hợp khác lại xác định phần vi phạm trực tiếp nhưng không giải thích rõ về phương pháp tính. Sự khác biệt này làm kết quả xét xử khó dự đoán và phát sinh tranh luận về tính hợp lý và công bằng.

Để minh chứng cho sự thiếu thống nhất trong việc xác định “giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm”, xem xét Bản án số 189/2025/DS-PT ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất. Theo đó, ông H và bà H1 thuê của bà S khoảng 3 ha đất để trồng mía, tổng tiền thuê trong ba năm là 90 triệu đồng. Hợp đồng quy định nếu bà S tiếp tục chuyển giao đất cho người khác thì phải hoàn trả chi phí đầu tư và lãi 3%/tháng, chịu phạt 5% giá trị hợp đồng và bồi thường gấp hai lần vốn đầu tư. Trong thời hạn hợp đồng, bà S tiếp tục cho vợ chồng ông H2, bà Y thuê diện tích đất có phần trùng với đất đã giao cho nguyên đơn. Tòa án xác định bà S vi phạm hợp đồng và chấp nhận khoản phạt 4,8 triệu đồng. Điểm bất cập rõ nhất là căn cứ tính khoản phạt 5% không thống nhất với

nội dung hợp đồng. Giá trị hợp đồng thuê được Tòa án xác định là 90 triệu đồng; nếu phạt 5% “giá trị hợp đồng” thì khoản phạt phải là 4,5 triệu đồng. Tuy nhiên, Tòa án lại chấp nhận 4,8 triệu đồng, tương ứng 5% của 96 triệu đồng là khoản vốn đầu tư được xác định trong vụ án, không phải tiền thuê hoặc giá trị hợp đồng (Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2025). Bản án không giải thích vì sao giá trị vốn đầu tư được dùng thay cho giá trị hợp đồng làm căn cứ tính phạt.

Bản án số 39/2024/KDTM-PT ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội cho thấy một cách tiếp cận khác. Trong vụ án này, nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức phạt vi phạm 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm; đồng thời, cung cấp các chứng cứ cụ thể để chứng minh phần nghĩa vụ mà bị đơn chưa thực hiện (Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, 2024). Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu phạt vi phạm và xác định giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm dựa trên toàn bộ giá trị hợp đồng do bị đơn hủy toàn bộ hợp đồng, thay vì xác định giá trị còn lại của hợp đồng. Cách xác định của Tòa án trong bản án này về cơ bản là hợp lý và phù hợp với tinh thần của *Luật* năm 2005. Tuy nhiên, khi so sánh với các bản án khác, có thể thấy, mỗi Tòa án đang có cách hiểu riêng về “giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm”. Điều này khiến cho cùng một quy định pháp luật, nhưng kết quả áp dụng lại phụ thuộc nhiều vào quan điểm và kỹ năng lập luận của từng Hội đồng xét xử.

Trong Bản án số 660/2022/KDTM-PT ngày 10/11/2022 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy khoản tiền mà chủ đầu tư còn nợ nhà thầu làm căn cứ tính phạt đối với hành vi chậm tiến độ của nhà thầu (Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh, 2022). Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng, cách xác định này không đúng, bởi đó là nghĩa vụ của bên chủ đầu tư, không phải nghĩa vụ bị nhà thầu vi phạm; do hành vi vi phạm liên

quan đến việc chậm hoàn thành toàn bộ công trình, Tòa án phúc thẩm lấy toàn bộ giá trị hợp đồng làm căn cứ tính phạt.

Từ các bản án nêu trên cho thấy, những bất cập trong việc xác định “giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm” không chỉ là vấn đề kỹ thuật xét xử mà còn là vấn đề mang tính cấu trúc của pháp luật về phạt vi phạm hợp đồng.

Thứ ba, việc phân định giữa phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và lãi chậm thanh toán chưa thật sự rõ ràng và nhất quán. Về bản chất, phạt vi phạm là chế tài phát sinh trên cơ sở thỏa thuận của các bên khi có hành vi vi phạm hợp đồng và không phụ thuộc vào việc bên bị vi phạm có chứng minh được thiệt hại thực tế hay không. Trong khi đó, bồi thường thiệt hại nhằm bù đắp tổn thất thực tế, trực tiếp và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm (Đinh Văn Cường, 2020). Lãi chậm thanh toán là hậu quả pháp lý của việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán và có căn cứ, điều kiện, phương pháp xác định riêng (Nguyễn Văn Hối & Trần Ngọc Hiệp, 2019). Mặc dù pháp luật đã có những quy định phân biệt các chế tài này, cách sử dụng thuật ngữ trong hợp đồng và trong một số bản án vẫn chưa chính xác, dẫn đến sự thiếu thống nhất giữa yêu cầu của đương sự, phần nhận định và phần quyết định của bản án.

Sự thiếu nhất quán thể hiện rõ hơn trong Bản án số 01/2022/KDTM-PT ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Hợp đồng quy định bên bán không giao đủ hàng phải trả 20% giá trị hàng hóa không giao. Mặc dù hợp đồng sử dụng thuật ngữ “bồi thường”, Hội đồng xét xử xác định nội dung thỏa thuận thực chất là phạt vi phạm, áp dụng Điều 300, Điều 301 *Luật* năm 2005, giới hạn mức phạt ở 8% và tiếp tục giảm khoản tiền theo tỷ lệ lỗi của các bên. Tuy

nhiên, trong phần quyết định, Tòa án lại tuyên buộc bị đơn “bồi thường thiệt hại” 444.444.000 đồng (Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, 2022). Cách giải quyết này cho thấy, sự không thống nhất giữa việc định danh chế tài, căn cứ pháp luật được áp dụng và nội dung phán quyết; đồng thời, làm mờ ranh giới giữa khoản phạt được ấn định trước theo thỏa thuận với khoản bồi thường phải được xác định trên cơ sở thiệt hại thực tế.

Bất cập về kỹ thuật sử dụng thuật ngữ còn được thể hiện trong Bản án số 737/2023/KDTM-PT ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Trong phần nhận định, Hội đồng xét xử xác định khoản 86.675.332 đồng là lãi chậm trả, được tính theo mức 10,5%/năm trên khoản nợ 500.000.000 đồng và áp dụng cơ chế xác định lãi chậm thanh toán (Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh, 2023). Tuy nhiên, trong phần quyết định, khoản tiền này lại được gọi là “tiền phạt chậm trả”. Mặc dù sự không chính xác về thuật ngữ không làm thay đổi số tiền mà bị đơn phải thanh toán trong vụ án, cách tuyên này có thể gây nhầm lẫn giữa phạt vi phạm và lãi chậm thanh toán - hai hậu quả pháp lý có căn cứ phát sinh và phương pháp xác định khác nhau.

Các bản án trên cho thấy, vướng mắc chủ yếu nằm ở việc định danh yêu cầu, lựa chọn căn cứ pháp luật và diễn đạt phán quyết chưa thống nhất. Sự thiếu chính xác có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ chứng minh, cách tính khoản tiền và khả năng áp dụng đồng thời các chế tài.

Thứ tư, sự thiếu thống nhất trong việc xác định điều kiện phát sinh chế tài phạt vi phạm, đặc biệt là vai trò của yếu tố lỗi và mức độ vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Mặc dù *Bộ luật* năm 2015 và *Luật* năm 2005 không đặt ra yêu cầu phải chứng minh lỗi như một điều kiện bắt buộc để áp dụng phạt vi phạm, nhưng trong nhiều vụ án, Tòa án vẫn xem xét

yếu tố lỗi hoặc mức độ lỗi như một căn cứ để chấp nhận, giảm hoặc bác bỏ yêu cầu phạt vi phạm. Cách tiếp cận này dẫn đến việc đưa các tiêu chí vốn thuộc về chế tài bồi thường thiệt hại sang áp dụng cho chế tài phạt vi phạm, làm sai lệch bản chất pháp lý của phạt vi phạm hợp đồng.

Về mặt lý luận, phạt vi phạm là chế tài mang tính ước định trước, phát sinh khi có hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng và có thỏa thuận phạt vi phạm hợp pháp, không phụ thuộc vào việc bên vi phạm có lỗi ở mức độ nào hoặc hậu quả thực tế ra sao. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, không ít Tòa án đặt câu hỏi về việc “bên vi phạm có lỗi hay không”, “lỗi thuộc về bên nào là chủ yếu”, thậm chí xem xét yếu tố bất khả kháng hoặc hoàn cảnh khách quan như căn cứ để loại trừ hoặc giảm trách nhiệm phạt vi phạm, dù pháp luật thương mại không có quy định cho phép điều chỉnh phạt vi phạm theo hướng này. Chính sự “mở rộng” điều kiện áp dụng phạt vi phạm của Tòa án đã làm phát sinh bất cập trong thực tiễn.

Để minh chứng cho bất cập này, trong Bản án số 39/2024/KDTM-PT ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội cho thấy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét lỗi hay mức độ lỗi của bên vi phạm mà chỉ tập trung vào hai yếu tố: (1) Có hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng; (2) Có thỏa thuận phạt vi phạm hợp pháp trong giới hạn 8%. Trên cơ sở đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu phạt vi phạm của nguyên đơn (Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, 2024). Cách tiếp cận này phù hợp hơn với bản chất pháp lý của phạt vi phạm và thể hiện sự tôn trọng ý chí thỏa thuận của các bên trong khuôn khổ pháp luật. Việc đưa lỗi và mức độ lỗi thành căn cứ trực tiếp để bác hoặc giảm phạt có nguy cơ làm sai lệch bản chất của chế tài này.

Thứ năm, Tòa án can thiệp vào nội dung thỏa thuận phạt vi phạm của các bên, ngay

cả trong trường hợp điều khoản phạt đã được xác lập hợp pháp và mức phạt không vượt quá giới hạn luật định theo Điều 301 Luật năm 2005. Biểu hiện của bất cập này không dừng lại ở việc kiểm soát tính hợp pháp của thỏa thuận, mà còn thể hiện ở việc Tòa án đánh giá lại tính “hợp lý”, “tương xứng”, “cân bằng lợi ích” của mức phạt vi phạm, từ đó giảm mức phạt hoặc không chấp nhận yêu cầu phạt vi phạm, dù pháp luật không trao cho Tòa án thẩm quyền điều chỉnh nội dung thỏa thuận phạt trong các trường hợp như vậy.

Về phương diện lý luận, phạt vi phạm trong hợp đồng thương mại là chế tài mang tính ước định trước, gắn liền với nguyên tắc tự do hợp đồng và nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa vi phạm nghĩa vụ. Luật năm 2005 chỉ đặt ra một giới hạn duy nhất đối với phạt vi phạm là mức trần 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, mà không trao cho Tòa án quyền đánh giá tính hợp lý hay công bằng của mức phạt nếu mức phạt này nằm trong giới hạn pháp luật cho phép. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy, không ít Tòa án đã vượt qua ranh giới này, chủ động “điều chỉnh” nội dung thỏa thuận phạt vi phạm dựa trên các tiêu chí ngoài luật định, làm suy giảm giá trị ràng buộc của hợp đồng thương mại.

Để minh chứng cho việc Tòa án can thiệp vào mức phạt vi phạm trên cơ sở những tiêu chí không được Luật năm 2005 quy định, có thể xem xét Bản án số 01/2022/KDTM-PT ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Trong vụ án, các bên thỏa thuận bên bán không giao đủ hàng phải chịu khoản tiền bằng 20% giá trị hàng hóa không giao. Tòa án xác định thỏa thuận này là phạt vi phạm và mức phạt phải được giới hạn ở 8% theo Điều 301 Luật năm 2005. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử tiếp tục xác định bên bán có lỗi 55%, bên mua có lỗi 45%, từ đó, chỉ buộc bên bán chịu 55% của khoản phạt được tính

theo mức 8%. Cách giải quyết này chưa thực sự phù hợp với bản chất của phạt vi phạm (Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, 2022). Luật năm 2005 không quy định tỷ lệ lỗi của các bên là căn cứ để giảm cơ học khoản phạt đã được thỏa thuận, hành vi của bên bị vi phạm chỉ có thể được xem xét khi nó ảnh hưởng đến việc xác định có hay không hành vi vi phạm, phạm vi nghĩa vụ bị vi phạm hoặc căn cứ miễn trách nhiệm. Trường hợp hành vi của bên bị vi phạm góp phần làm phát sinh hoặc gia tăng thiệt hại, yếu tố này có thể được xem xét khi xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại, nhưng không đương nhiên làm giảm giá trị phạt vi phạm. Việc Tòa án sử dụng tỷ lệ lỗi để điều chỉnh khoản phạt đã bổ sung một căn cứ hạn chế trách nhiệm không được pháp luật quy định, qua đó làm giảm tính ổn định và khả năng dự đoán của thỏa thuận phạt vi phạm.

3. Một số khuyến nghị

Việc nhận diện và phân tích các vướng mắc trong các bản án nêu trên có ý nghĩa trong việc làm rõ khoảng cách giữa quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng, đồng thời cung cấp cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp hợp đồng. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị sau:

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn áp dụng Điều 301 Luật năm 2005 theo hướng xác định rõ hậu quả pháp lý của thỏa thuận phạt vượt mức trần. Trường hợp mức phạt do các bên thỏa thuận vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, nên công nhận hiệu lực của thỏa thuận trong phạm vi luật cho phép và không công nhận phần vượt quá, thay vì tuyên vô hiệu toàn bộ điều khoản. Bởi vì, bản chất của quan hệ hợp đồng là sự thỏa thuận và thống nhất ý chí của các bên. Tuy rằng việc giới hạn mức phạt theo quy định của luật có thể bảo đảm sự cân bằng và dung hòa lợi ích giữa các bên, nhưng

quy định này có thể hoàn toàn không có ý nghĩa nếu như các bên trong quan hệ hợp đồng không có tranh chấp (đồng nghĩa với việc họ chấp nhận mức phạt đã đồng thuận). Đồng thời, trong quá trình đàm phán và giao kết hợp đồng, các bên cũng đã cân nhắc, ý thức được và “chấp nhận được” hậu quả pháp lý bất lợi mà mình sẽ phải gánh chịu nếu như có hành vi vi phạm hợp đồng.

Thứ hai, xây dựng tiêu chí cụ thể để xác định “giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm”, nhất là với hợp đồng dịch vụ, hợp đồng nhiều giai đoạn hoặc nhiều nghĩa vụ. Việc xác định phải căn cứ vào nội dung, phạm vi vi phạm, giá trị công việc chưa thực hiện hoặc thực hiện không đúng và cơ cấu giá trị hợp đồng.

Thứ ba, khẳng định phạt vi phạm là chế tài độc lập, phát sinh khi có thỏa thuận hợp pháp và hành vi vi phạm nghĩa vụ, không phụ thuộc vào chứng minh thiệt hại. Tòa án không nên sử dụng thiệt hại, lỗi hoặc mức độ lỗi để tùy nghi bác bỏ hay điều chỉnh khoản phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định.

Thứ tư, tôn trọng thỏa thuận hợp pháp của các bên. Khi điều khoản phạt được xác lập tự nguyện, rõ ràng và trong giới hạn luật định, Tòa án không nên điều chỉnh mức phạt dựa trên các tiêu chí chưa được pháp luật ghi nhận như tính hợp lý, tương xứng hoặc cân bằng lợi ích.

Thứ năm, Tòa án nhân dân tối cao cần ban hành hướng dẫn hoặc phát triển án lệ đối với các vấn đề còn có cách hiểu khác nhau; đồng thời tăng cường kỹ năng xác định quan hệ pháp luật, phân biệt chế tài, đánh giá chứng cứ và lập luận bản án. Các giải pháp này góp phần thống nhất xét xử, bảo đảm an toàn pháp lý và củng cố niềm tin của các chủ thể hợp đồng□

Tài liệu tham khảo:

Đinh Văn Cường (2020). Thực trạng pháp luật và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chế

tài phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại và mối quan hệ giữa hai chế tài. *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 03, tr. 50 - 58.

Đỗ Văn Đại & Lê Thị Diễm Phương (2012). Về khái niệm và giảm mức phạt vi phạm hợp đồng. *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 3, tr. 71 - 83.

Lê Thị Tuyết Hà (2026). Thực tiễn áp dụng pháp luật về chế tài phạt vi phạm trong hợp đồng thương mại. *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 2, tr. 34 - 41.

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng (2022). *Bản án số 01/2022/KDTM-PT ngày 21/01/2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*. <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-ve-tranh-chap-hop-dong-mua-ban-hang-hoa-so-012022kdtmpt-261941>

Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh (2022). *Bản án số 660/2022/KDTM-PT ngày 10/11/2022 về tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình*. <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-ve-tranh-chap-hop>

Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh (2023). *Bản án số 737/2023/KDTM-PT ngày 14/7/2023 về tranh chấp hợp đồng cung cấp, lắp đặt*. <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-ve-tranh-chap-hop-dong-cung-cap-lap-dat-so-7372023kdtmpt-329622>

Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau (2023). *Bản án số 14/2023/KDTM-PT ngày 22/8/2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán*. <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-ve-tranh-chap-hop-dong-mua-ban-so-142023kdtmpt-335962>

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2024). *Bản án số 39/2024/KDTM-PT ngày 27/02/2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*. <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-ve-tranh-chap-hop-dong-mua-ban-hang-hoa-so-392024kdtmpt-370382>

Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2025). *Bản án số 189/2025/DS-PT ngày 28/04/2025 về tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất*. https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-ve-tranh-chap-hop-dong-thue-quyen-su-dung-dat-so-1892025dspt-ngay-28042025-378053?rel=ban_an_chitietvb-dong-thi-cong-xay-dung-cong-trinh-so-6602022kdtmpt-338824